

Số 1794/PVCFC-IR
V/v Phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất
kinh doanh đến năm 2025.

Cà Mau, ngày 23 tháng 10 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: **Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Mã chứng khoán: **DCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0290) 3819 000

Fax: (0290) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Thành Hưng

Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

☐ Định kỳ

☒ Bất thường (24h)

☐ Bất thường (72h)

☐ Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Thông báo về việc Phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025,

- Ngày 20/10/2023, HĐQT Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã ban hành nghị quyết số 2686/NQ-PVCFC về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, mục Quan hệ Nhà đầu tư vào ngày 23/10/2023.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS -PVCFC(để b/c);
- TGD-PVCFC (để b/c);
- Lưu: VT, IR.

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ
CÔNG TY**



Đỗ Thành Hưng
Ngày: 23/10/2023 13:43



Số: 2686 /QĐ-PVCFC

Cà Mau, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động, sản xuất kinh doanh đến năm 2025
của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến số 13/BBTH-HĐQT ngày 19/10/2023 của Hội đồng quản trị PVCFC.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động, sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của PVCFC như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo các ban, đơn vị có liên quan thuộc PVCFC triển khai thực hiện các công việc tiếp theo trên cơ sở nội dung được phê duyệt tại Điều 1, tuân thủ các quy định của PVCFC và pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1291/QĐ-PVCFC ngày 29/5/2023 của Hội đồng quản trị về việc tạm phê duyệt Kế hoạch 05 năm 2021 - 2025 của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Điều 4. Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc PVCFC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đảng ủy (b/c);
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Phụ lục: Kế hoạch hoạt động, sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của PVCFC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Nguyên
Ngày: 20/10/2023 09:24

PHỤ LỤC:
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG, SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẾN NĂM 2025
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
(Đính kèm Quyết định số 2686/QĐ-PVCFC ngày 20/10/2023 của Hội đồng quản trị)

I. Quan điểm phát triển.

- Cung cấp các giải pháp về dinh dưỡng cho cây trồng, góp phần đảm bảo vững chắc an ninh lương thực Quốc gia.
- Phát triển Công ty với mô hình quản trị theo chuẩn mực quốc tế, đồng hành cùng chính sách Tam nông của Nhà nước, góp phần thay đổi nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, thân thiện môi trường.
- Phát triển lĩnh vực hóa chất, năng lượng sạch phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và phù hợp với định hướng phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tập trung vào phát triển bền vững lĩnh vực phân bón, mở rộng đầu tư có chọn lọc vào chuỗi giá trị nông nghiệp để tạo thêm các giá trị gia tăng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tập trung phát triển các sản phẩm có thương hiệu và chất lượng cao phù hợp xu hướng công nghệ mới, thân thiện môi trường.
- Đảm bảo chữ Tín đối với khách hàng, là địa chỉ tin cậy của nhà nông.
- Có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; hài hòa lợi ích, sẵn sàng chia sẻ trách nhiệm với các bên.

II. Mục tiêu phát triển.

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón ở Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về vận hành sản xuất:

- Vận hành Nhà máy Đạm Cà Mau hiệu quả, an toàn, ổn định. Liên tục cải tiến và tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm năng lượng với tỷ lệ tiêu hao năng lượng đến năm 2025 tiết giảm được 5% so với định mức năm 2022.
- Vận hành các nhà máy phân bón phức hợp từ urê nóng chảy NPK an toàn, ổn định, đáp ứng tối đa nhu cầu kinh doanh. Nghiên cứu và đưa vào sản xuất bộ sản phẩm NPK chuyên dùng cho cây lúa, cây công nghiệp, cây ăn rau và bộ NPK cao cấp trên nền công thức NPK 16-16-8, NPK 15-15-15, NPK 20-10-10 và NPK 20-20-15.
- Đến năm 2025, tìm được nguồn nguyên liệu thay thế nguồn khí hiện hữu.
- Đến năm 2025, cho ra đời tối thiểu 01 sản phẩm hóa chất/hóa dầu mới dựa trên nền công nghệ Nhà máy hiện hữu.



2.2. Về kinh doanh và phát triển thị trường:

- Doanh thu tăng trưởng bình quân 20%/năm, đạt 20 nghìn tỷ vào năm 2025. Tập trung vào 03 nhóm sản phẩm chính: Nhóm Sản phẩm Urê và gốc Urê (i), Nhóm Sản phẩm NPK (ii) và Nhóm sản phẩm kinh doanh phục vụ thị trường (iii).
- Thị phần phân bón của PVCFC trong toàn ngành phân bón ở Việt Nam: mục tiêu đến năm 2025 đạt tối thiểu 11% (tương đương khoảng 1,18 triệu tấn).
- Đến năm 2025 trở thành thương hiệu đứng đầu về cung cấp giải pháp dinh dưỡng toàn diện (giải pháp dinh dưỡng, dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao) cho cây trồng dựa trên nền tảng số ở thị trường Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu Phân bón Cà Mau ở các thị trường, khách hàng với mục tiêu:
 - + Mức độ nhận biết thương hiệu Phân bón Cà Mau của khách hàng mục tiêu đến năm 2025 là 65% (áp dụng tại 3 thị trường mục tiêu Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Campuchia).
 - + Mức độ nhận biết cao nhất của Thương hiệu Phân bón Cà Mau (TOM): đến năm 2025 đạt Top 1 của TOM (Top of Mind).
- Mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước lân cận và khu vực, cung cấp đa dạng các loại phân bón trên nền urê và NPK.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tham gia phát triển cung cấp Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các đơn vị cùng ngành trong nước, quốc tế. Tham gia các dịch vụ tư vấn liên quan đến nông nghiệp cao, tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp an toàn, tạo động lực cho tăng trưởng của công ty.

2.3. Về đầu tư:

- Nghiên cứu và tham gia đầu tư, góp vốn, liên danh liên kết thêm 01 nhà máy NPK để nâng cao năng lực cạnh tranh, lợi thế thị trường về dài hạn đối với các dòng sản phẩm phân bón chất lượng cao, góp phần gia tăng chuỗi giá trị và doanh thu cho Công ty.
- Nhà máy sản xuất phân bón hòa tan và phân bón lá: Thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm phân bón, gia tăng lợi thế cạnh tranh, mở rộng chuỗi giá trị, giảm thiểu rủi ro thị trường và đảm bảo chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu theo chiến lược kinh doanh dài hạn của Công ty.
- Dự án sản xuất Khí Công nghiệp tại Nhà máy Đạm Cà Mau: Thực hiện theo mục tiêu chiến lược đa dạng hóa nguồn nguyên liệu sản xuất, Công ty thực hiện nghiên cứu thu hồi Nitrogen, Argon từ nguồn Offgas và tinh chế đạt tiêu chuẩn khí công nghiệp, đáp ứng nhu cầu tăng tải xưởng Urea và xưởng Ammonia trong tương lai cũng như đáp ứng nhu cầu thị trường khí công nghiệp trong nước, góp phần nâng cao hiệu quả nguồn nguyên liệu theo định hướng chuyển dịch năng lượng của Tập đoàn.
- Dự án CO2 thực phẩm: Thực hiện chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, tối ưu nguồn nguyên liệu và các tiện ích Nhà máy góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận.



- Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - LC và Dự án đầu tư xây dựng bể bơi khu nhà ở CBCNV: Hoàn thiện cơ sở vật chất, quỹ nhà ở cho CBCNV, tạo điều kiện môi trường sống làm việc tốt nhất cho CBCNV yên tâm công tác, thực hiện tốt công tác an sinh và nhân sự của Công ty.

- Trụ sở Trạm liên lạc làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh: đầu tư Dự án tại thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo phù hợp với các yêu cầu kinh doanh và có quy mô đáp ứng với chiến lược phát triển của Công ty.

- Dự án sản xuất Hydro xanh (Green Hydro): Tối ưu hóa hiệu quả sử dụng của các nguồn nguyên liệu đầu vào của Nhà máy Đạm theo định hướng chuyển dịch năng lượng của Tập đoàn, góp phần ứng dụng công nghệ xanh vào dây chuyền sản xuất hiện hữu của Nhà máy.

- Đầu tư có chọn lọc hệ thống logistic để nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống phân phối, đáp ứng kịp thời việc vận chuyển và giao nhận sản phẩm tới khách hàng.

- Nghiên cứu, đánh giá các phương án để đầu tư các dự án thực hiện tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế nguồn khí hiện hữu.

- Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao để chủ động thực hiện công tác nghiên cứu, thử nghiệm, khảo nghiệm các dòng sản phẩm phân bón hữu cơ, sản phẩm có nguồn gốc hữu cơ vi sinh... tạo động lực tăng trưởng và phát triển nông nghiệp bền vững.

- Mở rộng mái che Cảng nhập nguyên liệu của Nhà máy Đạm Cà Mau: Nhằm bổ sung năng lực nhập/xuất sản phẩm cho Nhà máy Đạm.

- Dự án Hội trường & phòng họp trực tuyến: Nghiên cứu xây dựng đảm bảo tính chủ động trong công việc, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất; đáp ứng được quy mô phát triển của Công ty cũng như hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

2.4. Về nghiên cứu phát triển:

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển sản phẩm mới tập trung vào các sản phẩm:

- + Đa dạng hóa các sản phẩm phân bón NPK có tính chất khác biệt, có khả năng cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho cây trồng và có tính cạnh tranh cao so với các dòng NPK cao cấp khác trên thị trường;

- + Phát triển thành công bộ sản phẩm hữu cơ và hữu cơ vi sinh;

- + Nghiên cứu và sản xuất các loại chế phẩm sinh học, có hiệu quả nông học, hiệu quả môi trường và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm với chi phí hợp lý.

- Xây dựng bộ dữ liệu canh tác sản xuất nông nghiệp, cung cấp các giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và phù hợp xu hướng của cách mạng công nghiệp 4.0.



2.5. Lĩnh vực chuyển đổi số:

- Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu data-warehouse và kết nối các hệ thống ứng dụng trên nền tảng công nghệ thông tin:

- + Giai đoạn 2021-2023: Kết nối các hệ thống ứng dụng trên nền tảng công nghệ thông tin chung (SAP PM, ERP, DMS và Eoffice; áp dụng các mô hình Next-gen IT Operating Model; Kết nối tự động hóa các quy trình, nghiệp vụ...). Xây dựng cơ sở dữ liệu Datalab, Datawarehouse (cơ bản hệ thống Data warehouse và ứng dụng 1 công cụ phân tích dữ liệu vào khai thác; xây dựng lộ trình triển khai từ mô tả (Prescriptive) đến dự báo (Predictive Analytics; Mở rộng mô hình Datawarehouse kết hợp với Data Lake).

- + Giai đoạn 2024-2025: Hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu Datawarehouse và kết nối các hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản trị; Chuẩn hóa hệ thống dữ liệu tập trung phục vụ nhu cầu phân tích, dự báo; Hoàn thiện mô hình DWH chung cho toàn Công ty.

2.6. Về phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia đáp ứng nhu cầu thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chiến lược phát triển của Công ty. Số lượng chuyên gia đến năm 2025 đạt 30 chuyên gia.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự dự nguồn cho các vị trí chủ chốt, đảm bảo mỗi vị trí chủ chốt có ít nhất 02 nhân sự thay thế, kế thừa.

- Xây dựng thành công các chính sách đãi ngộ để giữ chân và thu hút người lao động: Đến năm 2025 cải tiến chính sách đãi ngộ đáp ứng 80% CBCNV hài lòng với chính sách đãi ngộ của Công ty.

- Tiếp tục duy trì văn hóa doanh nghiệp PVCFC: vững chắc về nền tảng, phong phú và khác biệt về bản sắc trên cơ sở hoàn thiện và phát huy các giá trị cốt lõi “Tiên phong - Trách nhiệm - Ân cần - Hòa hòa”.

3. Các nhiệm vụ chủ yếu:

- Vận hành nhà máy Đạm Cà Mau hiệu quả, an toàn, ổn định, liên tục cải tiến, tối ưu hóa sản xuất; vận hành phân xưởng NPK vào hoạt động an toàn, ổn định, đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường. Mở rộng sản xuất và tăng sản lượng các dòng phân bón vô cơ, sản xuất phân hữu cơ theo mục tiêu giai đoạn từ năm 2021-2025.

- Triển khai các giải pháp tìm nguồn nguyên liệu thay thế nguồn nguyên liệu khí PM3-CAA sau khi đánh giá tính khả thi và hiệu quả các phương án.

- Triển khai thực hiện các dự án sau khi có báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư theo kế hoạch đề ra trong giai đoạn 2021-2025.

- Phát triển thương hiệu “Phân bón Cà Mau - Hạt Ngọc Mùa Vàng” với bộ sản phẩm Phân bón Cà Mau trong nhóm dẫn đầu ở thị trường trong nước và quen thuộc trong khu vực. Chiếm lĩnh và duy trì các thị trường trọng yếu trong nước, xây dựng kênh phân phối hiệu quả và phát triển trên toàn quốc cho bộ sản phẩm Phân bón Cà Mau dựa trên ứng dụng nền tảng CNTT tiên tiến, hiện đại tích hợp với hệ thống thương mại điện tử.



- Đa dạng hóa các dịch vụ tư vấn liên quan đến dịch vụ bảo dưỡng vận hành, bảo dưỡng cho các nhà máy tương tự; dịch vụ nông nghiệp công nghiệp cao, tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp an toàn.

- Xây dựng chiến lược nghiên cứu phát triển dài hạn, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm phân bón NPK, khoáng hữu cơ, hữu cơ vi sinh và các dòng phân bón chất lượng cao phù hợp với định hướng chiến lược của Công ty.

- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp PVCFC: vững chắc về nền tảng, phong phú và khác biệt về bản sắc trên cơ sở hoàn thiện và phát huy các giá trị cốt lõi “Tiên phong - Trách nhiệm - Ân cần - Hòa hòa”.

4. Giải pháp thực hiện:

4.1. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:

- Nâng cao hiệu quả quản trị của PVCFC theo thông lệ quốc tế, tập trung:
 - + Cam kết quản trị công ty áp dụng các Thực tiễn Quản trị Doanh nghiệp tốt;
 - + Xây dựng và công bố Quy tắc Đạo đức và Ứng xử Kinh doanh;
 - + Cải thiện việc công bố thông tin trong báo cáo thường niên để thể hiện cam kết của Công ty đối với tiêu chí bền vững (ESG); chính sách quản trị quyền lợi các bên liên quan;

- + Tăng cường chức năng của bộ phận Kiểm toán Nội bộ mới được thành lập.
- Ứng dụng công nghệ số vào tất cả các hoạt động của Công ty (quản lý, quản trị, điều hành sản xuất kinh doanh) nhằm tăng hiệu quả, tối ưu hóa hiệu suất làm việc và gia tăng giá trị doanh nghiệp. Xây dựng cơ sở dữ liệu chung để phục vụ các giải pháp phân tích số liệu, quản trị và nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác ra quyết định.

- Duy trì và phát triển văn hóa bản sắc PVCFC với giá trị cốt lõi “Tiên phong - Trách nhiệm - Ân cần - Hòa hòa”. Thực hiện tốt trách nhiệm vì cộng đồng xã hội, gắn lợi ích của người dân làm nông nghiệp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2. Giải pháp tài chính:

- Từng bước áp dụng tiêu chuẩn báo cáo tài chính theo thông lệ quốc tế IFRS; hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị; phân tích tài chính làm cơ sở để ra quyết định.

- Xây dựng các phương án quản lý dòng tiền, tái cấu trúc nợ vay; giảm thiểu rủi ro do biến động tỷ giá.

- Nâng cao năng lực quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm soát rủi ro tài chính; đảm bảo các chỉ tiêu tài chính đạt mức an toàn và phát triển.

- Đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển của Công ty. Tối ưu hóa cấu trúc tài trợ, sử dụng nguồn vốn hiệu quả.



4.3. Giải pháp đầu tư:

- Triển khai đồng bộ công tác quản trị Danh mục đầu tư để tối ưu hóa nguồn lực và kiểm soát hiệu quả đầu tư.
- Ưu tiên các dự án đầu tư mới có vốn đầu tư thấp, thời gian đầu tư ngắn, thu hồi vốn nhanh, không đầu tư dàn trải.
- Thực hiện nghiên cứu đầu tư về việc tận dụng nguồn khí phát thải giàu CO₂ của các đơn vị trong cụm Khí- Điện- Đạm (Nhà máy Điện, Nhà máy khí) để đưa vào sản xuất Urea và sản xuất CO₂ thực phẩm.

4.4. Giải pháp đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Quy hoạch chuyên gia đối với những nhân sự phù hợp; đáp ứng được yêu cầu; xây dựng khung năng lực và các chương trình đào tạo phát triển cho đội ngũ chuyên gia; phù hợp với lộ trình đào tạo và phát triển chuyên gia.
- Chuẩn hóa chương trình đào tạo nội bộ: xây dựng Ma trận Đào tạo; thư viện điện tử; hệ thống học trực tuyến (E-learning).
- Tăng cường ứng dụng kỹ thuật Huấn luyện - Coaching để phát triển nhân viên; nâng cao năng suất; hiệu suất làm việc.
- Rà soát hoàn thiện mô tả chức danh công việc; khung năng lực theo mô hình tổ chức mới; Sắp xếp nhân sự phù hợp với từng vị trí phát huy tối đa năng lực công tác.
- Phân tích rủi ro biến động nhân sự để có kế hoạch tìm kiếm, đào tạo, bồi dưỡng các năng lực cần thiết bảo đảm nguồn nhân lực dự phòng; có tính kế thừa chuẩn bị cho các chiến lược phát triển trong tương lai của công ty.

4.5. Giải pháp khoa học công nghệ:

- Xây dựng Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao nhằm khai thác tối đa tiềm năng thế mạnh của Phân bón Cà Mau; đẩy mạnh nghiên cứu đa dạng hóa các dòng sản phẩm mới; dòng phân bón thông minh, thân thiện môi trường phù hợp với định hướng chiến lược.
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và quản trị hiệu quả hoạt động của Trung tâm nghiên cứu phát triển.
- Triển khai các Chương trình nghiên cứu khoa học dài hạn (các đề tài, nhiệm vụ khoa học nhóm I, nhóm II theo kế hoạch) nhằm tạo đột phá về công nghệ và sản phẩm mới).
- Phát huy sáng kiến cải tiến, tối ưu hóa hoạt động cho nhà máy Đạm Cà Mau: giảm dừng máy, tiết giảm tiêu hao năng lượng, tăng hiệu suất hoạt động nhà máy so với hiện tại... nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động và đảm bảo cho sự phát triển bền vững.



4.6. Giải pháp an toàn môi trường, phát triển bền vững:

- Nghiên cứu, ứng dụng và triển khai công nghệ mới nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; tiết giảm chi phí sản xuất, phát triển sản phẩm mới; mở rộng lĩnh vực hoạt động đầu tư theo xu hướng năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường.
- Nghiên cứu, tìm giải pháp cải tiến kỹ thuật trong công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu sử dụng, hạn chế phát thải vào môi trường. Thực hiện các giải pháp/chương trình giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến công tác an toàn - sức khỏe - môi trường.
- Thực hiện đánh giá tác động môi trường trong các đề tài nghiên cứu đảm bảo thiết bị; hệ thống sản xuất tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn Việt Nam và yêu cầu Nhà nước, pháp luật.
- Vận hành hiệu quả hệ thống Quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.
- Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý môi trường ISO 14001: 2015.
- Nghiên cứu cơ hội và triển khai các kế hoạch hành động góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại hội nghị COP26 về việc giảm phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và giảm nhẹ phát thải nhà kính theo nghị định 06/2022/NĐ-CP. Xây dựng chiến lược nghiên cứu và đầu tư để giảm phát thải CO2 thông qua 02 hướng chính như sau:
 - + Tiết giảm hoặc tối ưu sử dụng nguồn khí tự nhiên hiện hữu thông qua các giải pháp tối ưu hóa; tiết kiệm năng lượng và nâng công suất Nhà máy.
 - + Ứng dụng công nghệ sản xuất Hydro xanh vào sản xuất, giúp tiết giảm, thay thế một phần hoặc toàn bộ nguồn khí tự nhiên hiện hữu và góp phần tiết giảm một phần hoặc toàn bộ lượng CO2 phát thải trong quá trình sản xuất.

4.7. Giải pháp thị trường:

- Triển khai các hoạt động nhằm gia tăng thị phần Phân bón Cà Mau bằng các hoạt động trên nhiều phương diện: Thương hiệu và truyền thông; Tiếp thị thương mại và Phát triển đội ngũ kinh doanh ... nhằm gia tăng độ phủ (địa lý và số lượng đại lý cấp 2); gia tăng sản lượng bán/đại lý cấp 2; gia tăng lòng trung thành khách hàng thông qua hoạt động hướng tới người dùng (nông dân) và tăng hoạt động kích hoạt thương hiệu tại đại lý cấp 2.
- Mở rộng các hoạt động gia tăng nhận diện thương hiệu Phân bón Cà Mau đối với các khách hàng mục tiêu, khu vực trọng điểm: Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, Campuchia. Triển khai các hoạt động Truyền thông mô hình trải nghiệm Phân bón Cà Mau (mô hình trình diễn); Truyền thông ngành hàng (tập trung NPK); Truyền thông nền tảng mạng xã hội; Truyền thông giải pháp nông nghiệp dẫn đầu...
- Tổ chức các chương trình truyền thông tạo hiệu ứng dư luận tích cực như hiểu biết trong công chúng về giá trị giải pháp dinh dưỡng toàn diện của Phân bón Cà Mau. Tiếp cận khách hàng thông qua các chương trình gia tăng trải nghiệm khách hàng trên nền tảng digital; về giải pháp dinh dưỡng toàn diện trên digital; các nội dung



PR "kỹ thuật nông nghiệp- giải pháp dinh dưỡng toàn diện"; Xây dựng nền tảng số hoá riêng cho Phân bón Cà Mau; Mô hình trình diễn giải pháp dinh dưỡng toàn diện để gia tăng trải nghiệm khách hàng.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trên các kênh bán hàng online và truyền thống về việc hướng dẫn bà con nông dân tối ưu hóa việc bón phân và canh tác; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ trong bối cảnh giá phân vô cơ còn ở mức cao. Tiếp tục triển khai các chương trình xúc tiến bán hàng; chương trình hỗ trợ bà con nông dân nhằm giảm chi phí đầu vào; khuyến khích bà con tái đầu tư sản xuất.

- Triển khai đầu tư các Dự án Kho bãi để chủ động trong công tác lưu kho, quản lý tối ưu hóa chi phí logistic; điều phối sản phẩm từ kho lưu trữ đến khách hàng trong khu vực.

- Triển khai và áp dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh; gia tăng hiệu quả và năng lực quản trị các hoạt động kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện dịch chuyển và triển khai mô hình kinh doanh mới, lấy khách hàng cuối (người nông dân) làm trọng tâm. Qua đó có cơ hội để lắng nghe, hỗ trợ, hiểu hơn khách hàng cuối và từ đó chủ động trong công tác kinh doanh.

- Đa dạng hóa các bộ sản phẩm kinh doanh có tính khác biệt trên thị trường; gia tăng thêm doanh thu. Trong đó tập trung vào các bộ sản phẩm:

- + Đối với sản phẩm NPK, tiếp tục nghiên cứu phát triển nhóm sản phẩm NPK mang tính dẫn dắt để thâm nhập và phát triển thị trường. Với kế hoạch thực hiện M&A thêm nhà máy NPK cùng với nhà máy NPK Cà Mau, PVCFC sẽ tạo lợi thế về quy mô sản lượng, qua đó tăng khả năng kiểm soát, chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ NPK nội địa.

- + Đối với sản phẩm hữu cơ-vi sinh, tiếp tục nghiên cứu và cho lưu hành bộ sản phẩm hữu cơ-vi sinh phù hợp; định vị sản phẩm hướng đến cải tạo môi trường đất, hỗ trợ cây trồng phát triển tốt hơn.

- + Đối với bộ giải pháp dinh dưỡng cho cây trồng, tiếp tục nghiên cứu bổ sung thêm các nhóm sản phẩm phân bón hòa tan, phân bón lá và một số chế phẩm liên quan đến chữa bệnh; chăm sóc cho cây trồng; từ đó hướng đến nông nghiệp công nghệ cao trong tương lai.



III. Các chỉ tiêu Kế hoạch đến năm 2025 của PVCFC:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng kế hoạch từ năm 2021 đến 2025	Ghi chú
A	B	C	1	2
A	CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG			
I	Chỉ tiêu sản lượng sản xuất			
1	Urê Cà Mau (Urê quy đổi)	Nghìn tấn	4.519 - 4.600	
	Trong đó: - Đạm chức năng/Phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	440 - 460	
2	NPK (từ phân xưởng NPK)	Nghìn tấn	746 - 766	
3	Bao bì (PPC sản xuất)	Triệu bao	136 – 137	
II	Chỉ tiêu sản lượng kinh doanh			
1	Urê	Nghìn tấn	3.896 - 3.953	
2	Đạm chức năng/Phân bón từ gốc Urê	Nghìn tấn	424 - 450	
3	NPK (từ phân xưởng NPK)	Nghìn tấn	705 – 720	
4	Phân bón kinh doanh	Nghìn tấn	993 – 1000	
5	Bao bì (PPC sản xuất)	Triệu bao	134- 137	
B	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
I	Tài chính hợp nhất PVCFC			
1	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	74,9 – 79,7	
2	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	10,6 – 11,1	
3	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	9,9 – 10,4	
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1,7 – 1,9	
II	Tài chính Công ty mẹ - PVCFC			
1	Vốn điều lệ cuối năm	Nghìn tỷ đồng	5,3 - 7,0	
	<i>Trong đó: tỷ lệ vốn của PVN</i>	%	75.56%	
2	Vốn chủ sở hữu bình quân	Nghìn tỷ đồng	9.9	
3	Tổng doanh thu	Nghìn tỷ đồng	71,23 - 77,97	
4	Lợi nhuận trước thuế	Nghìn tỷ đồng	10,53 - 11,8	
5	Lợi nhuận sau thuế	Nghìn tỷ đồng	9,86 – 10,35	
6	Nộp ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	1,69 – 1,8	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng cộng kế hoạch từ năm 2021 đến 2025	Ghi chú
A	B	C	1	2
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ điều lệ	%/năm	39.77%	
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	PVCFC xem xét cụ thể theo từng năm	
C	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ			
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Nghìn tỷ đồng	5.7	
1.1	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	Nghìn tỷ đồng	5.1	
1.2	- Đầu tư tài chính	Nghìn tỷ đồng	0.7	
2	Nguồn vốn		5.7	
2.1	- Vốn chủ sở hữu	Nghìn tỷ đồng	2.6	
2.2	- Vốn vay + khác	Nghìn tỷ đồng	3.1	
D	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC (Công ty mẹ)			
1	Số lao động cuối kỳ	Người	1.300 -1.326	
2	Số lao động bình quân trong kỳ	Người	1.121 - 1.143	
3	Thu nhập bình quân	Trđ/ng/tháng	33 - 34	
4	Năng suất lao động (theo sản lượng)	Tấn/ng/tháng	76,8 - 78,4	
5	Thực hiện đào tạo	Lượt người	14.715 - 15.009	
6	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	59 - 61	
7	Nghiên cứu khoa học	Đề tài	175 - 160	
8	Kinh phí nghiên cứu khoa học	Tỷ đồng	796,8 - 812,7	



IV. Kế hoạch đầu tư đến năm 2025 của PVCFC:

DVT: tỷ đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Thực hiện đến 31/12/2020	Kế hoạch 5 năm 2021- 2025 (giá trị thực hiện đầu tư)															Tổng KH 5 năm 2021- 2025		
				Khởi công	Hoàn thành			Thực hiện năm 2021			Thực hiện năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025					
								Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	Tổng cộng (I+II+III)					5,736.99	2.51	72.58	72.58	-	86.80	86.80	0.00	627.21	528.02	99.19	2,790.19	1,253.56	1,536.62	2,142.43	705.72	1,436.71	5,719.21	2,646.67	3,072.53
I	Các dự án đầu tư xây dựng (*)					4,937.14	2.51	56.12	56.12	-	65.07	65.06	0.00	587.03	487.84	99.19	2,121.71	782.15	1,339.55	2,089.43	652.72	1,436.71	4,919.35	2,043.89	2,875.46
	Dự án nhóm A																								
	Dự án nhóm B					4,486.51	-	-	-	-	55.75	55.74	-	497.03	457.84	39.19	1,937.72	608.17	1,329.55	1,996.02	559.31	1,436.71	4,486.51	1,681.05	2,805.46
1	Trụ sở Trạm liên lạc làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh	HCM		2023	2024	500.00				-	-	-	-	422.00	422.00		78.00	78.00					500.00	500.00	0.00
2	Dự án kho đầu mối (Khu vực TPHCM và lân cận)	Long An/BR.VT		2024	2025	1,000.00					-						500.00	150.00	350.00	500.00	150.00	350.00	1,000.00	300.00	700.00
3	Dự án Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao Thanh Hóa -PVCFC	Long An		2022	2025	298.00					54.19	54.19		59.50	20.31	39.19	92.50		92.50	91.81		91.81	298.00	74.50	223.50
4	Mở rộng mái che mưa cho hệ thống xuất sản phẩm (line A & D)	NMD		2023	2025	137.17					0.67	0.67		2.45	2.45		110.27	33.08	77.19	23.78	4.95	18.83	137.17	41.15	96.02
5	Dự án Kho bổ sung 12.000 tấn	NMD		2023	2025	247.11								4.16	4.16		70.03	21.01	49.02	172.92	48.97	123.96	247.11	74.13	172.98
6	Dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau - LC	Cà Mau		2023	2025	154.23					0.88	0.88		8.92	8.92		86.92	26.08	60.84	57.51	10.40	47.12	154.23	46.27	107.96
7	Dự án sản xuất phân bón hòa tan và phân bón lá	N/A		2024	2025	400.00											200.00	60.00	140.00	200.00	60.00	140.00	400.00	120.00	280.00
8	Dự án sản xuất Khí Công nghiệp tại Nhà máy Đạm Cà Mau	NMD		2024	2024	300.00											300.00	90.00	210.00				300.00	90.00	210.00
10	Nhà máy sản xuất Khí Công nghiệp	N/A		2024	2025	500.00											150.00	45.00	105.00	350.00	105.00	245.00	500.00	150.00	350.00
11	Dự án Kho Quý Nhon			2024	2025	200.00											100.00	30.00	70.00	100.00	30.00	70.00	200.00	60.00	140.00
12	Dự án Kho khu vực Tây Nguyên			2024	2025	150.00											50.00	15.00	35.00	100.00	30.00	70.00	150.00	45.00	105.00
13	Dự án Kho khu vực Cần Thơ			2024	2025	300.00											100.00	30.00	70.00	200.00	60.00	140.00	300.00	90.00	210.00
14	Dự án Kho khu vực An Giang/Đồng Tháp			2024	2025	300.00											100.00	30.00	70.00	200.00	60.00	140.00	300.00	90.00	210.00
	Dự án nhóm C					450.63	2.51	56.12	56.12	-	9.32	9.32	-	90.00	30.00	60.00	183.99	173.99	10.00	93.41	93.41	-	432.84	362.84	70.00
15	Mở rộng mái che Cảng nhập nguyên liệu của Nhà máy Đạm Cà Mau	NMD		2024	2025	51.00											7.00	7.00		44.00	44.00		51.00	51.00	0.00
16	Hạng mục cải hoàn và cung cấp CO2 thô	NMD	110 tấn/ngà	2020	2022	83.23	2.51	56.12	56.12		9.32	9.32											65.44	65.44	0.00
17	Dự án Sản xuất CO2 thực phẩm	NMD	50 tấn/ngày	2023	2024	100.00								90.00	30.00	60.00	10.00		10.00				100.00	30.00	70.00
18	Hệ thống điện năng lượng mặt trời	NMD		2024	2025	80.00											53.33	53.33	-	26.67	26.67		80.00	80.00	0.00
19	Dự án Hội trường & phòng họp trực tuyến	Cà Mau		2024	2025	40.92											32.45	32.45		8.47	8.47		40.92	40.92	0.00
20	Dự án đầu tư xây dựng bể bơi khu nhà ở CBCNV	Cà Mau		2024	2024	31.54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	31.54	31.54					31.54	31.54	0.00
21	Dự án Mái che đường E8	NMD		2024	2025	26.65											12.37	12.37		14.28	14.28		26.65	26.65	0.00
22	Hệ thống xuất hàng xá tại Nhà máy Đạm Cà Mau	NMD		2024	2024	37.30											37.30	37.30					37.30	37.30	0.00

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư	Thực hiện đến 31/12/2020	Kế hoạch 5 năm 2021- 2025 (giá trị thực hiện đầu tư)															Tổng KH 5 năm 2021- 2025		
				Khởi công	Hoàn thành			Thực hiện năm 2021			Thực hiện năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025					
								Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác	Tổng số	Vốn Chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay+ khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
II	Mua sắm tài sản					142.96	-	16.46	16.46	-	21.73	21.73	-	30.18	30.18	-	21.59	21.59	-	53.00	53.00	-	142.96	142.96	0.00
-	Trang thiết bị/TSCĐ					87.08		13.46	13.46		7.73	7.73		11.80	11.80		12.59	12.59		41.50	41.50		87.08	87.08	0.00
-	Chuyển đổi số					55.89		3.00	3.00		14.00	14.00		18.39	18.39		9.00	9.00		11.50	11.50		55.89	55.89	0.00
III	Đầu tư khác/dầu tư tài chính (*)					656.89	-	-	-	-	-	-	-	10.00	10.00	-	646.89	449.82	197.07	-	-	-	656.89	459.82	197.07
1	M&A công ty sản xuất NPK			2023	2024	656.89	-	-	-	-	-	-	-	10.00	10.00	-	646.89	449.82	197.07	-	-	-	656.89	459.82	197.07
2	Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh (M&A, góp vốn, hợp tác)			2024	2025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	Các dự án ghi đầu mục để nghiên cứu (**)																								
1	Dự án tìm nguồn nguyên liệu thay thế						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Dự án sản xuất Hydro xanh (Green Hydro)						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-